LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMSCERTS 099
Trụ sở chính: N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, P Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50, ngách 165/23, tổ 18, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com Http://moitruongsuckhoeiesh.com

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu được gửi đến phòng thí nghiệm)

Mã hóa mẫu: N2024.11/2851

Khách hàng : **Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội**
Địa chỉ : **44 Yên Phụ - Ba Đình- Hà Nội**
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 01
Thời gian gửi mẫu : 12/11/2024
Thời gian phân tích : 12/11 đến 25/11/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Tương Mai	
1	Nhiệt độ	°C	***40***	***40***	26,3	SMEWW 2550B:2017
2	pH(a)	-	***6-9***	***5,5-9***	7,06	TCVN 6492:2011
3	Độ màu(ab)	Pt/Co	***50***	***150***	9	TCVN 6185:2015
4	TSS(ab)	mg/L	***50***	***100***	10	TCVN 6625:2000
5	COD(ab)	mg/L	***75***	***150***	13,1	SMEWW 5220C:2017
6	BOD_5 (20^0C) (b)	mg/L	***30***	***50***	6,7	TCVN 6001-1:2008
7	Clorua (Cl^-)(ab)	mg/L	***500***	***1000***	18,7	TCVN 6194:1996
8	Florua (F^-)(b)	mg/L	***5***	***10***	0,35	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
9	Amoni (NH_4^+_N)(ab)	mg/L	***5***	***10***	<0,03	TCVN 6179-1:1996
10	Tổng N(b)	mg/L	***20***	***40***	<2	TCVN 6638:2000
11	Tổng P(ab)	mg/L	***4***	***6***	0,04	TCVN 6202:2008
12	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	***0,2***	***0,5***	<0,12	SMEWW 4500-S^{2-} B&C&D:2017
13	Tổng xianua (CN^-)(ab)	mg/L	***0,07***	***0,1***	<0,006	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017
14	Cr^{6+}(ab)	mg/L	***0,05***	***0,1***	<0,03	SMEWW 3500-Cr.B:2017
15	Cr^{3+}(b)	mg/L	***0,2***	***1***	<0,006	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Clo dư(b)	mg/L	***1***	***2***	<0,09	SMEWW 4500-Cl^- G:2017
17	Tổng phenol(b)	mg/L	***0,1***	***0,5***	<0,015	TCVN 6216:1996

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu
IESH.2024.11.25/2274

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Tương Mai	
18	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,000018	US EPA Method 3510C + EPA 3620C + EPA 8270D
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ (b)	mg/L	*0,3*	*1,0*	<0,000096	
20	Tổng PCB(b)	mg/L	*0,003*	*0,01*	<0,000018	
21	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	*5*	*10*	0,3	SMEWW 5520B&F:2017
22	Hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	*0,1*	*0,1*	<0,007	TCVN 8879:2011
23	Hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/L	*1,0*	*1,0*	<0,06	
24	Tổng coliform(b)	MPN/ 100mL	*3000*	*5000*	280	SMEWW 9221B:2017
25	Sắt (Fe)(ab)	mg/L	*1*	*5*	<0,009	EPA Method 200.7
26	Mangan (Mn)(b)	mg/L	*0,5*	*1*	<0,0036	
27	Asen (As)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0075	
28	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0039	
29	Đồng (Cu)(b)	mg/L	*2*	*2*	<0,0072	
30	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	*0,005*	*0,01*	<0,0051	
31	Niken (Ni)(b)	mg/L	*0,2*	*0,5*	<0,003	
32	Chì (Pb)(b)	mg/L	*0,1*	*0,5*	<0,0075	
33	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	*3*	*3*	<0,0066	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi khách hàng;

- ***QCTĐHN 02:2014/BTNMT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;*
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vilas 766;*
- (b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- *(*): Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất vimcerts 195;*
- Số phiếu phát hành: 03 phiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHÒNG QT&PT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Th.S Lê Minh Hải	Th.S Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. 2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	**Mã hóa phiếu**
	IESH.2024.11.25/2274

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMSCERTS 099
Trụ sở chính: N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, P Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50, ngách 165/23, tổ 18, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 **Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com** **Http://moitruongsuckhoeiesh.com**

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu được gửi đến phòng thí nghiệm)

Mã hóa mẫu: N2024.11/2852

Khách hàng : **Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội**
Địa chỉ : **44 Yên Phụ - Ba Đình- Hà Nội**
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 01
Thời gian gửi mẫu : 12/11/2024
Thời gian phân tích : 12/11 đến 25/11/2024

VILAS 766

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Pháp Vân	
1	Nhiệt độ	°C	***40***	***40***	26,4	SMEWW 2550B:2017
2	pH(a)	-	***6-9***	***5,5-9***	6,95	TCVN 6492:2011
3	Độ màu(ab)	Pt/Co	***50***	***150***	9	TCVN 6185:2015
4	TSS(ab)	mg/L	***50***	***100***	9	TCVN 6625:2000
5	COD(ab)	mg/L	***75***	***150***	6,5	SMEWW 5220C:2017
6	BOD_5 (20^0C) (b)	mg/L	***30***	***50***	3,5	TCVN 6001-1:2008
7	Clorua (Cl^-)(ab)	mg/L	***500***	***1000***	17,3	TCVN 6194:1996
8	Florua (F^-)(b)	mg/L	***5***	***10***	0,41	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
9	Amoni (NH_4^+_N)(ab)	mg/L	***5***	***10***	<0,03	TCVN 6179-1:1996
10	Tổng N(b)	mg/L	***20***	***40***	<2	TCVN 6638:2000
11	Tổng P(ab)	mg/L	***4***	***6***	<0,03	TCVN 6202:2008
12	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	***0,2***	***0,5***	<0,12	SMEWW 4500-S^{2-} B&C&D:2017
13	Tổng xianua (CN^-)(ab)	mg/L	***0,07***	***0,1***	<0,006	SMEWW 4500-CN^- .C&E:2017
14	Cr^{6+}(ab)	mg/L	***0,05***	***0,1***	<0,03	SMEWW 3500-Cr.B:2017
15	Cr^{3+}(b)	mg/L	***0,2***	***1***	<0,006	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Clo dư(b)	mg/L	***1***	***2***	<0,09	SMEWW 4500-Cl^- G:2017
17	Tổng phenol(b)	mg/L	***0,1***	***0,5***	<0,015	TCVN 6216:1996

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu
IESH.2024.11.25/2275

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Pháp Vân	
18	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,000018	US EPA Method 3510C + EPA 3620C + EPA 8270D
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ (b)	mg/L	*0,3*	*1,0*	<0,000096	
20	Tổng PCB(b)	mg/L	*0,003*	*0,01*	<0,000018	
21	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	*5*	*10*	0,5	SMEWW 5520B&F:2017
22	Hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	*0,1*	*0,1*	<0,007	TCVN 8879:2011
23	Hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/L	*1,0*	*1,0*	<0,06	
24	Tổng coliform(b)	MPN/ 100mL	*3000*	*5000*	330	SMEWW 9221B:2017
25	Sắt (Fe)(ab)	mg/L	*1*	*5*	0,025	EPA Method 200.7
26	Mangan (Mn)(b)	mg/L	*0,5*	*1*	<0,0036	
27	Asen (As)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0075	
28	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0039	
29	Đồng (Cu)(b)	mg/L	*2*	*2*	<0,0072	
30	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	*0,005*	*0,01*	<0,0051	
31	Niken (Ni)(b)	mg/L	*0,2*	*0,5*	<0,003	
32	Chì (Pb)(b)	mg/L	*0,1*	*0,5*	<0,0075	
33	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	*3*	*3*	<0,0066	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi khách hàng;

- ***QCTĐHN 02:2014/BTNMT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;*
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vilas 766;*
- (b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- *(*): Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất vimcerts 195;*
- Số phiếu phát hành: 03 phiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHÒNG QT&PT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Th.S Lê Minh Hải	Th.S Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. 2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	**Mã hóa phiếu**
	IESH.2024.11.25/2275

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMSCERTS 099
Trụ sở chính: N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, P Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50, ngách 165/23, tổ 18, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com Http://moitruongsuckhoeiesh.com

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu được gửi đến phòng thí nghiệm)

Mã hóa mẫu: N2024.11/2853

Khách hàng : **Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội**
Địa chỉ : **44 Yên Phụ - Ba Đình- Hà Nội**
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 01
Thời gian gửi mẫu : 12/11/2024
Thời gian phân tích : 12/11 đến 25/11/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Hạ Đình	
1	Nhiệt độ	°C	***40***	***40***	26,4	SMEWW 2550B:2017
2	pH(a)	-	***6-9***	***5,5-9***	6,86	TCVN 6492:2011
3	Độ màu(ab)	Pt/Co	***50***	***150***	9	TCVN 6185:2015
4	TSS(ab)	mg/L	***50***	***100***	13	TCVN 6625:2000
5	COD(ab)	mg/L	***75***	***150***	13,1	SMEWW 5220C:2017
6	BOD_5 (20^0C) (b)	mg/L	***30***	***50***	6,9	TCVN 6001-1:2008
7	Clorua (Cl^-)(ab)	mg/L	***500***	***1000***	34,6	TCVN 6194:1996
8	Florua (F^-)(b)	mg/L	***5***	***10***	0,32	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
9	Amoni (NH_4^+_N)(ab)	mg/L	***5***	***10***	0,05	TCVN 6179-1:1996
10	Tổng N(b)	mg/L	***20***	***40***	3,2	TCVN 6638:2000
11	Tổng P(ab)	mg/L	***4***	***6***	<0,03	TCVN 6202:2008
12	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	***0,2***	***0,5***	<0,12	SMEWW 4500-S^{2-} B&C&D:2017
13	Tổng xianua (CN^-)(ab)	mg/L	***0,07***	***0,1***	<0,006	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017
14	Cr^{6+}(ab)	mg/L	***0,05***	***0,1***	<0,03	SMEWW 3500-Cr.B:2017
15	Cr^{3+}(b)	mg/L	***0,2***	***1***	<0,006	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Clo dư(b)	mg/L	***1***	***2***	<0,09	SMEWW 4500-Cl^- G:2017
17	Tổng phenol(b)	mg/L	***0,1***	***0,5***	<0,015	TCVN 6216:1996

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đa 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu
IESH.2024.11.25/2276

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Hạ Đình	
18	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,000018	US EPA Method 3510C + EPA 3620C + EPA 8270D
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ (b)	mg/L	*0,3*	*1,0*	<0,000096	
20	Tổng PCB(b)	mg/L	*0,003*	*0,01*	<0,000018	
21	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	*5*	*10*	0,5	SMEWW 5520B&F:2017
22	Hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	*0,1*	*0,1*	<0,007	TCVN 8879:2011
23	Hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/L	*1,0*	*1,0*	<0,06	
24	Tổng coliform(b)	MPN/ 100mL	*3000*	*5000*	430	SMEWW 9221B:2017
25	Sắt (Fe)(ab)	mg/L	*1*	*5*	<0,009	EPA Method 200.7
26	Mangan (Mn)(b)	mg/L	*0,5*	*1*	0,011	
27	Asen (As)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0075	
28	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0039	
29	Đồng (Cu)(b)	mg/L	*2*	*2*	<0,0072	
30	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	*0,005*	*0,01*	<0,0051	
31	Niken (Ni)(b)	mg/L	*0,2*	*0,5*	<0,003	
32	Chì (Pb)(b)	mg/L	*0,1*	*0,5*	<0,0075	
33	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	*3*	*3*	<0,0066	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi khách hàng;

- ***QCTĐHN 02:2014/BTNMT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;*
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vilas 766;*
- (b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- *(*): Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất vimcerts 195;*
- Số phiếu phát hành: 03 phiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHÒNG QT&PT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Th.S Lê Minh Hải	Th.S Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. 2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	**Mã hóa phiếu**
	IESH.2024.11.25/2276

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMSCERTS 099
Trụ sở chính: N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, P Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50, ngách 165/23, tổ 18, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com Http://moitruongsuckhoeiesh.com

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu được gửi đến phòng thí nghiệm)

Mã hóa mẫu: N2024.11/2854

Khách hàng : **Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội**
Địa chỉ : **44 Yên Phụ - Ba Đình- Hà Nội**
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 01
Thời gian gửi mẫu : 12/11/2024
Thời gian phân tích : 12/11 đến 25/11/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Cáo Đỉnh	VILAS 766
1	Nhiệt độ	°C	***40***	***40***	26,5	SMEWW 2550B:2017
2	pH(a)	-	***6-9***	***5,5-9***	6,91	TCVN 6492:2011
3	Độ màu(ab)	Pt/Co	***50***	***150***	9	TCVN 6185:2015
4	TSS(ab)	mg/L	***50***	***100***	15	TCVN 6625:2000
5	COD(ab)	mg/L	***75***	***150***	9,8	SMEWW 5220C:2017
6	BOD_5 (20^0C) (b)	mg/L	***30***	***50***	5,1	TCVN 6001-1:2008
7	Clorua (Cl^-)(ab)	mg/L	***500***	***1000***	20,0	TCVN 6194:1996
8	Florua (F^-)(b)	mg/L	***5***	***10***	0,20	SMEWW 4500-F^- .B&D:2017
9	Amoni (NH_4^+_N)(ab)	mg/L	***5***	***10***	0,05	TCVN 6179-1:1996
10	Tổng N(b)	mg/L	***20***	***40***	<2	TCVN 6638:2000
11	Tổng P(ab)	mg/L	***4***	***6***	0,03	TCVN 6202:2008
12	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	***0,2***	***0,5***	<0,12	SMEWW 4500-S^{2-} .B&C&D:2017
13	Tổng xianua (CN^-)(ab)	mg/L	***0,07***	***0,1***	<0,006	SMEWW 4500-CN^- .C&E:2017
14	Cr^{6+}(ab)	mg/L	***0,05***	***0,1***	<0,03	SMEWW 3500-Cr.B:2017
15	Cr^{3+}(b)	mg/L	***0,2***	***1***	<0,006	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Clo dư(b)	mg/L	***1***	***2***	<0,09	SMEWW 4500-Cl^- G:2017
17	Tổng phenol(b)	mg/L	***0,1***	***0,5***	<0,015	TCVN 6216:1996

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đa 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu
IESH.2024.11.25/2277

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Cáo Đỉnh	
18	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,000018	US EPA Method 3510C + EPA 3620C + EPA 8270D
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ (b)	mg/L	*0,3*	*1,0*	<0,000096	
20	Tổng PCB(b)	mg/L	*0,003*	*0,01*	<0,000018	
21	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	*5*	*10*	0,4	SMEWW 5520B&F:2017
22	Hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	*0,1*	*0,1*	<0,007	TCVN 8879:2011
23	Hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/L	*1,0*	*1,0*	<0,06	
24	Tổng coliform(b)	MPN/ 100mL	*3000*	*5000*	350	SMEWW 9221B:2017
25	Sắt (Fe)(ab)	mg/L	*1*	*5*	0,074	EPA Method 200.7
26	Mangan (Mn)(b)	mg/L	*0,5*	*1*	<0,0036	
27	Asen (As)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0075	
28	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0039	
29	Đồng (Cu)(b)	mg/L	*2*	*2*	<0,0072	
30	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	*0,005*	*0,01*	<0,0051	
31	Niken (Ni)(b)	mg/L	*0,2*	*0,5*	<0,003	
32	Chì (Pb)(b)	mg/L	*0,1*	*0,5*	<0,0075	
33	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	*3*	*3*	<0,0066	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi khách hàng;

- ***QCTĐHN 02:2014/BTNMT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;*
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vilas 766;*
- (b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- *(*): Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất vimcerts 195;*
- Số phiếu phát hành: 03 phiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHÒNG QT&PT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Th.S Lê Minh Hải	Th.S Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. 2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	**Mã hóa phiếu** IESH.2024.11.25/2277

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMSCERTS 099
Trụ sở chính: N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, P Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50, ngách 165/23, tổ 18, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com Http://moitruongsuckhoeiesh.com

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu được gửi đến phòng thí nghiệm)

Mã hóa mẫu: N2024.11/2855

Khách hàng : **Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội**
Địa chỉ : **44 Yên Phụ - Ba Đình- Hà Nội**
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 01
Thời gian gửi mẫu : 12/11/2024
Thời gian phân tích : 12/11 đến 25/11/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Mai Dịch	VILAS 766
1	Nhiệt độ	°C	***40***	***40***	26,3	SMEWW 2550B:2017
2	pH(a)	-	***6-9***	***5,5-9***	7,12	TCVN 6492:2011
3	Độ màu(ab)	Pt/Co	***50***	***150***	<5	TCVN 6185:2015
4	TSS(ab)	mg/L	***50***	***100***	13	TCVN 6625:2000
5	COD(ab)	mg/L	***75***	***150***	6,5	SMEWW 5220C:2017
6	BOD_5 (20^0C) (b)	mg/L	***30***	***50***	3,3	TCVN 6001-1:2008
7	Clorua (Cl^-)(ab)	mg/L	***500***	***1000***	25,7	TCVN 6194:1996
8	Florua (F^-)(b)	mg/L	***5***	***10***	0,19	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
9	Amoni (NH_4^+_N)(ab)	mg/L	***5***	***10***	<0,03	TCVN 6179-1:1996
10	Tổng N(b)	mg/L	***20***	***40***	<2	TCVN 6638:2000
11	Tổng P(ab)	mg/L	***4***	***6***	<0,03	TCVN 6202:2008
12	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	***0,2***	***0,5***	<0,12	SMEWW 4500-S^{2-} B&C&D:2017
13	Tổng xianua (CN^-)(ab)	mg/L	***0,07***	***0,1***	<0,006	SMEWW 4500-CN^- .C&E:2017
14	Cr^{6+}(ab)	mg/L	***0,05***	***0,1***	<0,03	SMEWW 3500-Cr.B:2017
15	Cr^{3+}(b)	mg/L	***0,2***	***1***	<0,006	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Clo dư(b)	mg/L	***1***	***2***	<0,09	SMEWW 4500-Cl^- G:2017
17	Tổng phenol(b)	mg/L	***0,1***	***0,5***	<0,015	TCVN 6216:1996

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu
IESH.2024.11.25/2278

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Mai Dịch	
18	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,000018	US EPA Method 3510C + EPA 3620C + EPA 8270D
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ (b)	mg/L	*0,3*	*1,0*	<0,000096	
20	Tổng PCB(b)	mg/L	*0,003*	*0,01*	<0,000018	
21	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	*5*	*10*	<0,3	SMEWW 5520B&F:2017
22	Hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	*0,1*	*0,1*	<0,007	TCVN 8879:2011
23	Hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/L	*1,0*	*1,0*	<0,06	
24	Tổng coliform(b)	MPN/ 100mL	*3000*	*5000*	430	SMEWW 9221B:2017
25	Sắt (Fe)(ab)	mg/L	*1*	*5*	0,194	EPA Method 200.7
26	Mangan (Mn)(b)	mg/L	*0,5*	*1*	0,006	
27	Asen (As)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0075	
28	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0039	
29	Đồng (Cu)(b)	mg/L	*2*	*2*	<0,0072	
30	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	*0,005*	*0,01*	<0,0051	
31	Niken (Ni)(b)	mg/L	*0,2*	*0,5*	<0,003	
32	Chì (Pb)(b)	mg/L	*0,1*	*0,5*	<0,0075	
33	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	*3*	*3*	<0,0066	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi khách hàng;

- ***QCTĐHN 02:2014/BTNMT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;*
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vilas 766;*
- (b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- *(*): Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất vimcerts 195;*
- Số phiếu phát hành: 03 phiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHÒNG QT&PT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Th.S Lê Minh Hải	Th.S Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. 2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	**Mã hóa phiếu**
	IESH.2024.11.25/2278

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMSCERTS 099
Trụ sở chính: N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, P Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50, ngách 165/23, tổ 18, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 **Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com** **Http://moitruongsuckhoeiesh.com**

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu được gửi đến phòng thí nghiệm)

Mã hóa mẫu: N2024.11/2856

Khách hàng : **Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội**
Địa chỉ : **44 Yên Phụ - Ba Đình- Hà Nội**
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 01
Thời gian gửi mẫu : 12/11/2024
Thời gian phân tích : 12/11 đến 25/11/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp (VILAS 766)
			A	B	Nước xả thải nhà máy Nam Dư	
1	Nhiệt độ	°C	***40***	***40***	26,4	SMEWW 2550B:2017
2	pH(a)	-	***6-9***	***5,5-9***	7,21	TCVN 6492:2011
3	Độ màu(ab)	Pt/Co	***50***	***150***	7	TCVN 6185:2015
4	TSS(ab)	mg/L	***50***	***100***	18	TCVN 6625:2000
5	COD(ab)	mg/L	***75***	***150***	6,5	SMEWW 5220C:2017
6	BOD_5 (20^0C) (b)	mg/L	***30***	***50***	3,5	TCVN 6001-1:2008
7	Clorua (Cl^-)(ab)	mg/L	***500***	***1000***	19,9	TCVN 6194:1996
8	Florua (F^-)(b)	mg/L	***5***	***10***	0,33	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
9	Amoni (NH_4^+_N)(ab)	mg/L	***5***	***10***	<0,03	TCVN 6179-1:1996
10	Tổng N(b)	mg/L	***20***	***40***	3,7	TCVN 6638:2000
11	Tổng P(ab)	mg/L	***4***	***6***	0,03	TCVN 6202:2008
12	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	***0,2***	***0,5***	<0,12	SMEWW 4500-S^{2-} .B&C&D:2017
13	Tổng xianua (CN^-)(ab)	mg/L	***0,07***	***0,1***	<0,006	SMEWW 4500-CN^- .C&E:2017
14	Cr^{6+}(ab)	mg/L	***0,05***	***0,1***	<0,03	SMEWW 3500-Cr.B:2017
15	Cr^{3+}(b)	mg/L	***0,2***	***1***	<0,006	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Clo dư(b)	mg/L	***1***	***2***	<0,09	SMEWW 4500-Cl^- G:2017
17	Tổng phenol(b)	mg/L	***0,1***	***0,5***	<0,015	TCVN 6216:1996

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đa 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu
IESH.2024.11.25/2279

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Nam Dư	
18	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,000018	US EPA Method 3510C + EPA 3620C + EPA 8270D
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ (b)	mg/L	*0,3*	*1,0*	<0,000096	
20	Tổng PCB(b)	mg/L	*0,003*	*0,01*	<0,000018	
21	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	*5*	*10*	<0,3	SMEWW 5520B&F:2017
22	Hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	*0,1*	*0,1*	<0,007	TCVN 8879:2011
23	Hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/L	*1,0*	*1,0*	<0,06	
24	Tổng coliform(b)	MPN/ 100mL	*3000*	*5000*	280	SMEWW 9221B:2017
25	Sắt (Fe)(ab)	mg/L	*1*	*5*	<0,009	EPA Method 200.7
26	Mangan (Mn)(b)	mg/L	*0,5*	*1*	0,009	
27	Asen (As)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0075	
28	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0039	
29	Đồng (Cu)(b)	mg/L	*2*	*2*	<0,0072	
30	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	*0,005*	*0,01*	<0,0051	
31	Niken (Ni)(b)	mg/L	*0,2*	*0,5*	<0,003	
32	Chì (Pb)(b)	mg/L	*0,1*	*0,5*	<0,0075	
33	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	*3*	*3*	<0,0066	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi khách hàng;

- ***QCTĐHN 02:2014/BTNMT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;*
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vilas 766;*
- (b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- *(*): Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất vimcerts 195;*
- Số phiếu phát hành: 03 phiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHÒNG QT&PT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Th.S Lê Minh Hải	Th.S Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. 2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	**Mã hóa phiếu**
	IESH.2024.11.25/2279

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMSCERTS 099
Trụ sở chính: N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, P Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50, ngách 165/23, tổ 18, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com Http://moitruongsuckhoeiesh.com

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu được gửi đến phòng thí nghiệm)

Mã hóa mẫu: N2024.11/2857

Khách hàng : **Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội**
Địa chỉ : **44 Yên Phụ - Ba Đình- Hà Nội**
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 01
Thời gian gửi mẫu : 12/11/2024
Thời gian phân tích : 12/11 đến 25/11/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp (VILAS 766)
			A	B	Nước xả thải nhà máy Ngọc Hà	
1	Nhiệt độ	°C	***40***	***40***	26,3	SMEWW 2550B:2017
2	pH(a)	-	***6-9***	***5,5-9***	6,89	TCVN 6492:2011
3	Độ màu(ab)	Pt/Co	***50***	***150***	<5	TCVN 6185:2015
4	TSS(ab)	mg/L	***50***	***100***	19	TCVN 6625:2000
5	COD(ab)	mg/L	***75***	***150***	9,8	SMEWW 5220C:2017
6	BOD_5 (20^0C) (b)	mg/L	***30***	***50***	5,0	TCVN 6001-1:2008
7	Clorua (Cl^-)(ab)	mg/L	***500***	***1000***	32,9	TCVN 6194:1996
8	Florua (F^-)(b)	mg/L	***5***	***10***	0,19	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
9	Amoni (NH_4^+_N)(ab)	mg/L	***5***	***10***	<0,03	TCVN 6179-1:1996
10	Tổng N(b)	mg/L	***20***	***40***	<2	TCVN 6638:2000
11	Tổng P(ab)	mg/L	***4***	***6***	0,05	TCVN 6202:2008
12	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	***0,2***	***0,5***	<0,12	SMEWW 4500-S^{2-} B&C&D:2017
13	Tổng xianua (CN^-)(ab)	mg/L	***0,07***	***0,1***	<0,006	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017
14	Cr^{6+}(ab)	mg/L	***0,05***	***0,1***	<0,03	SMEWW 3500-Cr.B:2017
15	Cr^{3+}(b)	mg/L	***0,2***	***1***	<0,006	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Clo dư(b)	mg/L	***1***	***2***	<0,09	SMEWW 4500-Cl^- G:2017
17	Tổng phenol(b)	mg/L	***0,1***	***0,5***	<0,015	TCVN 6216:1996

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu
IESH.2024.11.25/2280

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Ngọc Hà	
18	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,000018	US EPA Method 3510C + EPA 3620C + EPA 8270D
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ (b)	mg/L	*0,3*	*1,0*	<0,000096	
20	Tổng PCB(b)	mg/L	*0,003*	*0,01*	<0,000018	
21	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	*5*	*10*	0,5	SMEWW 5520B&F:2017
22	Hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	*0,1*	*0,1*	<0,007	TCVN 8879:2011
23	Hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/L	*1,0*	*1,0*	<0,06	
24	Tổng coliform(b)	MPN/ 100mL	*3000*	*5000*	350	SMEWW 9221B:2017
25	Sắt (Fe)(ab)	mg/L	*1*	*5*	<0,009	EPA Method 200.7
26	Mangan (Mn)(b)	mg/L	*0,5*	*1*	0,3345	
27	Asen (As)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0075	
28	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0039	
29	Đồng (Cu)(b)	mg/L	*2*	*2*	<0,0072	
30	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	*0,005*	*0,01*	<0,0051	
31	Niken (Ni)(b)	mg/L	*0,2*	*0,5*	<0,003	
32	Chì (Pb)(b)	mg/L	*0,1*	*0,5*	<0,0075	
33	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	*3*	*3*	<0,0066	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi khách hàng;

- ***QCTĐHN 02:2014/BTNMT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;*
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vilas 766;*
- (b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- *(*): Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất vimcerts 195;*
- Số phiếu phát hành: 03 phiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHÒNG QT&PT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Th.S Lê Minh Hải	Th.S Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. 2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	**Mã hóa phiếu**
	IESH.2024.11.25/2280

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMSCERTS 099
Trụ sở chính: N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, P Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50, ngách 165/23, tổ 18, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com Http://moitruongsuckhoeiesh.com

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu được gửi đến phòng thí nghiệm)

Mã hóa mẫu: N2024.11/2858

Khách hàng : **Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội**
Địa chỉ : **44 Yên Phụ - Ba Đình- Hà Nội**
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 01
Thời gian gửi mẫu : 12/11/2024
Thời gian phân tích : 12/11 đến 25/11/2024

VILAS 766

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Lương Yên	
1	Nhiệt độ	°C	***40***	***40***	26,2	SMEWW 2550B:2017
2	pH(a)	-	***6-9***	***5,5-9***	6,93	TCVN 6492:2011
3	Độ màu(ab)	Pt/Co	***50***	***150***	<5	TCVN 6185:2015
4	TSS(ab)	mg/L	***50***	***100***	13	TCVN 6625:2000
5	COD(ab)	mg/L	***75***	***150***	6,5	SMEWW 5220C:2017
6	BOD_5 (20^0C) (b)	mg/L	***30***	***50***	3,3	TCVN 6001-1:2008
7	Clorua (Cl^-)(ab)	mg/L	***500***	***1000***	9,1	TCVN 6194:1996
8	Florua (F^-)(b)	mg/L	***5***	***10***	0,27	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
9	Amoni (NH_4^+_N)(ab)	mg/L	***5***	***10***	<0,03	TCVN 6179-1:1996
10	Tổng N(b)	mg/L	***20***	***40***	4,5	TCVN 6638:2000
11	Tổng P(ab)	mg/L	***4***	***6***	<0,03	TCVN 6202:2008
12	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	***0,2***	***0,5***	<0,12	SMEWW 4500-S^{2-} B&C&D:2017
13	Tổng xianua (CN^-)(ab)	mg/L	***0,07***	***0,1***	<0,006	SMEWW 4500-CN^- .C&E:2017
14	Cr^{6+}(ab)	mg/L	***0,05***	***0,1***	<0,03	SMEWW 3500-Cr.B:2017
15	Cr^{3+}(b)	mg/L	***0,2***	***1***	<0,006	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Clo dư(b)	mg/L	***1***	***2***	<0,09	SMEWW 4500-Cl^- G:2017
17	Tổng phenol(b)	mg/L	***0,1***	***0,5***	<0,015	TCVN 6216:1996

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu
IESH.2024.11.25/2281

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Lương Yên	
18	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,000018	US EPA Method 3510C + EPA 3620C + EPA 8270D
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ (b)	mg/L	*0,3*	*1,0*	<0,000096	
20	Tổng PCB(b)	mg/L	*0,003*	*0,01*	<0,000018	
21	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	*5*	*10*	0,6	SMEWW 5520B&F:2017
22	Hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	*0,1*	*0,1*	<0,007	TCVN 8879:2011
23	Hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/L	*1,0*	*1,0*	<0,06	
24	Tổng coliform(b)	MPN/ 100mL	*3000*	*5000*	170	SMEWW 9221B:2017
25	Sắt (Fe)(ab)	mg/L	*1*	*5*	0,032	EPA Method 200.7
26	Mangan (Mn)(b)	mg/L	*0,5*	*1*	0,007	
27	Asen (As)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0075	
28	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0039	
29	Đồng (Cu)(b)	mg/L	*2*	*2*	<0,0072	
30	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	*0,005*	*0,01*	<0,0051	
31	Niken (Ni)(b)	mg/L	*0,2*	*0,5*	<0,003	
32	Chì (Pb)(b)	mg/L	*0,1*	*0,5*	<0,0075	
33	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	*3*	*3*	<0,0066	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi khách hàng;

- ***QCTĐHN 02:2014/BTNMT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;*
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vilas 766;*
- (b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- (*): *Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất vimcerts 195;*
- Số phiếu phát hành: 03 phiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHÒNG QT&PT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Th.S Lê Minh Hải	Th.S Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. 2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	**Mã hóa phiếu**
	IESH.2024.11.25/2281

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMSCERTS 099
Trụ sở chính: N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, P Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50, ngách 165/23, tổ 18, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com Http://moitruongsuckhoeiesh.com

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu được gửi đến phòng thí nghiệm)

Mã hóa mẫu: N2024.11/2859

Khách hàng : **Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội**
Địa chỉ : **44 Yên Phụ - Ba Đình- Hà Nội**
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 01
Thời gian gửi mẫu : 12/11/2024
Thời gian phân tích : 12/11 đến 25/11/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Ngô Sĩ Liên	
1	Nhiệt độ	°C	***40***	***40***	26,4	SMEWW 2550B:2017
2	pH(a)	-	***6-9***	***5,5-9***	7,03	TCVN 6492:2011
3	Độ màu(ab)	Pt/Co	***50***	***150***	8	TCVN 6185:2015
4	TSS(ab)	mg/L	***50***	***100***	17	TCVN 6625:2000
5	COD(ab)	mg/L	***75***	***150***	9,8	SMEWW 5220C:2017
6	BOD_5 (20^0C) (b)	mg/L	***30***	***50***	5,0	TCVN 6001-1:2008
7	Clorua (Cl^-)(ab)	mg/L	***500***	***1000***	55,5	TCVN 6194:1996
8	Florua (F^-)(b)	mg/L	***5***	***10***	0,22	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
9	Amoni (NH_4^+_N)(ab)	mg/L	***5***	***10***	<0,03	TCVN 6179-1:1996
10	Tổng N(b)	mg/L	***20***	***40***	<2	TCVN 6638:2000
11	Tổng P(ab)	mg/L	***4***	***6***	<0,03	TCVN 6202:2008
12	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	***0,2***	***0,5***	<0,12	SMEWW 4500-S^{2-} B&C&D:2017
13	Tổng xianua (CN^-)(ab)	mg/L	***0,07***	***0,1***	<0,006	SMEWW 4500-CN^- .C&E:2017
14	Cr^{6+}(ab)	mg/L	***0,05***	***0,1***	<0,03	SMEWW 3500-Cr.B:2017
15	Cr^{3+}(b)	mg/L	***0,2***	***1***	<0,006	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Clo dư(b)	mg/L	***1***	***2***	<0,09	SMEWW 4500-Cl^- G:2017
17	Tổng phenol(b)	mg/L	***0,1***	***0,5***	<0,015	TCVN 6216:1996

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu
IESH.2024.11.25/2282

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Ngô Sĩ Liên	
18	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,000018	US EPA Method 3510C + EPA 3620C + EPA 8270D
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ (b)	mg/L	*0,3*	*1,0*	<0,000096	
20	Tổng PCB(b)	mg/L	*0,003*	*0,01*	<0,000018	
21	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	*5*	*10*	<0,3	SMEWW 5520B&F:2017
22	Hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	*0,1*	*0,1*	<0,007	TCVN 8879:2011
23	Hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/L	*1,0*	*1,0*	<0,06	
24	Tổng coliform(b)	MPN/ 100mL	*3000*	*5000*	220	SMEWW 9221B:2017
25	Sắt (Fe)(ab)	mg/L	*1*	*5*	0,158	EPA Method 200.7
26	Mangan (Mn)(b)	mg/L	*0,5*	*1*	0,008	
27	Asen (As)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0075	
28	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0039	
29	Đồng (Cu)(b)	mg/L	*2*	*2*	<0,0072	
30	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	*0,005*	*0,01*	<0,0051	
31	Niken (Ni)(b)	mg/L	*0,2*	*0,5*	<0,003	
32	Chì (Pb)(b)	mg/L	*0,1*	*0,5*	<0,0075	
33	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	*3*	*3*	<0,0066	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi khách hàng;

- ***QCTĐHN 02:2014/BTNMT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;*
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vilas 766;*
- (b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- (*): *Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất vimcerts 195;*
- Số phiếu phát hành: 03 phiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHÒNG QT&PT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Th.S Lê Minh Hải	Th.S Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. 2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	**Mã hóa phiếu**
	IESH.2024.11.25/2282

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMSCERTS 099
Trụ sở chính: N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, P Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50, ngách 165/23, tổ 18, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com Http://moitruongsuckhoeiesh.com

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu được gửi đến phòng thí nghiệm)

Mã hóa mẫu: N2024.11/2860

Khách hàng : **Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội**
Địa chỉ : **44 Yên Phụ - Ba Đình- Hà Nội**
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 01
Thời gian gửi mẫu : 12/11/2024
Thời gian phân tích : 12/11 đến 25/11/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Đông Mỹ	
1	Nhiệt độ	°C	***40***	***40***	26,5	SMEWW 2550B:2017
2	pH(a)	-	***6-9***	***5,5-9***	7,11	TCVN 6492:2011
3	Độ màu(ab)	Pt/Co	***50***	***150***	5	TCVN 6185:2015
4	TSS(ab)	mg/L	***50***	***100***	21	TCVN 6625:2000
5	COD(ab)	mg/L	***75***	***150***	9,8	SMEWW 5220C:2017
6	BOD_5 (20^0C) (b)	mg/L	***30***	***50***	5,1	TCVN 6001-1:2008
7	Clorua (Cl^-)(ab)	mg/L	***500***	***1000***	25,4	TCVN 6194:1996
8	Florua (F^-)(b)	mg/L	***5***	***10***	0,23	SMEWW 4500-F^- .B&D:2017
9	Amoni (NH_4^+_N)(ab)	mg/L	***5***	***10***	<0,03	TCVN 6179-1:1996
10	Tổng N(b)	mg/L	***20***	***40***	<2	TCVN 6638:2000
11	Tổng P(ab)	mg/L	***4***	***6***	0,05	TCVN 6202:2008
12	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	***0,2***	***0,5***	<0,12	SMEWW 4500-S^{2-} .B&C&D:2017
13	Tổng xianua (CN^-)(ab)	mg/L	***0,07***	***0,1***	<0,006	SMEWW 4500-CN^- .C&E:2017
14	Cr^{6+}(ab)	mg/L	***0,05***	***0,1***	<0,03	SMEWW 3500-Cr.B:2017
15	Cr^{3+}(b)	mg/L	***0,2***	***1***	<0,006	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Clo dư(b)	mg/L	***1***	***2***	<0,09	SMEWW 4500-Cl^- G:2017
17	Tổng phenol(b)	mg/L	***0,1***	***0,5***	<0,015	TCVN 6216:1996

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu
IESH.2024.11.25/2283

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Đông Mỹ	
18	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,000018	US EPA Method 3510C + EPA 3620C + EPA 8270D
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ (b)	mg/L	*0,3*	*1,0*	<0,000096	
20	Tổng PCB(b)	mg/L	*0,003*	*0,01*	<0,000018	
21	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	*5*	*10*	<0,3	SMEWW 5520B&F:2017
22	Hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	*0,1*	*0,1*	<0,007	TCVN 8879:2011
23	Hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/L	*1,0*	*1,0*	<0,06	
24	Tổng coliform(b)	MPN/ 100mL	*3000*	*5000*	240	SMEWW 9221B:2017
25	Sắt (Fe)(ab)	mg/L	*1*	*5*	0,793	EPA Method 200.7
26	Mangan (Mn)(b)	mg/L	*0,5*	*1*	0,017	
27	Asen (As)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0075	
28	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0039	
29	Đồng (Cu)(b)	mg/L	*2*	*2*	<0,0072	
30	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	*0,005*	*0,01*	<0,0051	
31	Niken (Ni)(b)	mg/L	*0,2*	*0,5*	<0,003	
32	Chì (Pb)(b)	mg/L	*0,1*	*0,5*	<0,0075	
33	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	*3*	*3*	<0,0066	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi khách hàng;

- ***QCTĐHN 02:2014/BTNMT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;*
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vilas 766;*
- (b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- (*): *Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất vimcerts 195;*
- Số phiếu phát hành: 03 phiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHÒNG QT&PT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Th.S Lê Minh Hải	Th.S Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. 2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	**Mã hóa phiếu**
	IESH.2024.11.25/2283

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMSCERTS 099
Trụ sở chính: N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, P Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50, ngách 165/23, tổ 18, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com Http://moitruongsuckhoeiesh.com

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu được gửi đến phòng thí nghiệm)

Mã hóa mẫu: N2024.11/2861

Khách hàng : **Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội**
Địa chỉ : **44 Yên Phụ - Ba Đình- Hà Nội**
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 01
Thời gian gửi mẫu : 12/11/2024
Thời gian phân tích : 12/11 đến 25/11/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Thụy Khuê	
1	Nhiệt độ	°C	***40***	***40***	26,4	SMEWW 2550B:2017
2	pH(a)	-	***6-9***	***5,5-9***	7,21	TCVN 6492:2011
3	Độ màu(ab)	Pt/Co	***50***	***150***	6	TCVN 6185:2015
4	TSS(ab)	mg/L	***50***	***100***	18	TCVN 6625:2000
5	COD(ab)	mg/L	***75***	***150***	6,5	SMEWW 5220C:2017
6	BOD_5 (20^0C) (b)	mg/L	***30***	***50***	3,3	TCVN 6001-1:2008
7	Clorua (Cl^-)(ab)	mg/L	***500***	***1000***	31,4	TCVN 6194:1996
8	Florua (F^-)(b)	mg/L	***5***	***10***	0,30	SMEWW 4500-F^- .B&D:2017
9	Amoni (NH_4^+_N)(ab)	mg/L	***5***	***10***	0,05	TCVN 6179-1:1996
10	Tổng N(b)	mg/L	***20***	***40***	<2	TCVN 6638:2000
11	Tổng P(ab)	mg/L	***4***	***6***	<0,03	TCVN 6202:2008
12	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	***0,2***	***0,5***	<0,12	SMEWW 4500-S^{2-} .B&C&D:2017
13	Tổng xianua (CN^-)(ab)	mg/L	***0,07***	***0,1***	<0,006	SMEWW 4500-CN^- .C&E:2017
14	Cr^{6+}(ab)	mg/L	***0,05***	***0,1***	<0,03	SMEWW 3500-Cr.B:2017
15	Cr^{3+}(b)	mg/L	***0,2***	***1***	<0,006	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Clo dư(b)	mg/L	***1***	***2***	<0,09	SMEWW 4500-Cl^- G:2017
17	Tổng phenol(b)	mg/L	***0,1***	***0,5***	<0,015	TCVN 6216:1996

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu
IESH.2024.11.25/2284

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Thụy Khuê	
18	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,000018	US EPA Method 3510C + EPA 3620C + EPA 8270D
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ (b)	mg/L	*0,3*	*1,0*	<0,000096	
20	Tổng PCB(b)	mg/L	*0,003*	*0,01*	<0,000018	
21	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	*5*	*10*	0,4	SMEWW 5520B&F:2017
22	Hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	*0,1*	*0,1*	<0,007	TCVN 8879:2011
23	Hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/L	*1,0*	*1,0*	<0,06	
24	Tổng coliform(b)	MPN/ 100mL	*3000*	*5000*	210	SMEWW 9221B:2017
25	Sắt (Fe)(ab)	mg/L	*1*	*5*	<0,009	EPA Method 200.7
26	Mangan (Mn)(b)	mg/L	*0,5*	*1*	0,007	
27	Asen (As)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0075	
28	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0039	
29	Đồng (Cu)(b)	mg/L	*2*	*2*	<0,0072	
30	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	*0,005*	*0,01*	<0,0051	
31	Niken (Ni)(b)	mg/L	*0,2*	*0,5*	<0,003	
32	Chì (Pb)(b)	mg/L	*0,1*	*0,5*	<0,0075	
33	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	*3*	*3*	<0,0066	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi khách hàng;

- ***QCTĐHN 02:2014/BTNMT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;*
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vilas 766;*
- (b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- *(*): Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất vimcerts 195;*
- Số phiếu phát hành: 03 phiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHÒNG QT&PT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Th.S Lê Minh Hải	Th.S Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. 2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	**Mã hóa phiếu**
	IESH.2024.11.25/2284

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMSCERTS 099
Trụ sở chính: N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, P Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50, ngách 165/23, tổ 18, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com Http://moitruongsuckhoeiesh.com

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu được gửi đến phòng thí nghiệm)

Mã hóa mẫu: N2024.11/2862

Khách hàng : **Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội**
Địa chỉ : **44 Yên Phụ - Ba Đình- Hà Nội**
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 01
Thời gian gửi mẫu : 12/11/2024
Thời gian phân tích : 12/11 đến 25/11/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp (VILAS 766)
			A	B	Nước xả thải nhà máy Bạch Mai	
1	Nhiệt độ	°C	***40***	***40***	26,3	SMEWW 2550B:2017
2	pH(a)	-	***6-9***	***5,5-9***	6,91	TCVN 6492:2011
3	Độ màu(ab)	Pt/Co	***50***	***150***	<5	TCVN 6185:2015
4	TSS(ab)	mg/L	***50***	***100***	20	TCVN 6625:2000
5	COD(ab)	mg/L	***75***	***150***	13,1	SMEWW 5220C:2017
6	BOD_5 (20^0C)(b)	mg/L	***30***	***50***	6,7	TCVN 6001-1:2008
7	Clorua (Cl^-)(ab)	mg/L	***500***	***1000***	28,0	TCVN 6194:1996
8	Florua (F^-)(b)	mg/L	***5***	***10***	0,41	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
9	Amoni (NH_4^+_N)(ab)	mg/L	***5***	***10***	<0,03	TCVN 6179-1:1996
10	Tổng N(b)	mg/L	***20***	***40***	<2	TCVN 6638:2000
11	Tổng P(ab)	mg/L	***4***	***6***	0,05	TCVN 6202:2008
12	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	***0,2***	***0,5***	<0,12	SMEWW 4500-S^{2-} B&C&D:2017
13	Tổng xianua (CN^-)(ab)	mg/L	***0,07***	***0,1***	<0,006	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017
14	Cr^{6+}(ab)	mg/L	***0,05***	***0,1***	<0,03	SMEWW 3500-Cr.B:2017
15	Cr^{3+}(b)	mg/L	***0,2***	***1***	<0,006	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Clo dư(b)	mg/L	***1***	***2***	<0,09	SMEWW 4500-Cl^- G:2017
17	Tổng phenol(b)	mg/L	***0,1***	***0,5***	<0,015	TCVN 6216:1996

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu
IESH.2024.11.25/2285

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Bạch Mai	
18	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ [(b)]	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,000018	US EPA Method 3510C + EPA 3620C + EPA 8270D
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ [(b)]	mg/L	*0,3*	*1,0*	<0,000096	
20	Tổng PCB[(b)]	mg/L	*0,003*	*0,01*	<0,000018	
21	Tổng dầu mỡ khoáng[(b)]	mg/L	*5*	*10*	0,5	SMEWW 5520B&F:2017
22	Hoạt độ phóng xạ α[(*)]	Bq/L	*0,1*	*0,1*	<0,007	TCVN 8879:2011
23	Hoạt độ phóng xạ β[(*)]	Bq/L	*1,0*	*1,0*	<0,06	
24	Tổng coliform[(b)]	MPN/ 100mL	*3000*	*5000*	280	SMEWW 9221B:2017
25	Sắt (Fe)[(ab)]	mg/L	*1*	*5*	0,025	EPA Method 200.7
26	Mangan (Mn)[(b)]	mg/L	*0,5*	*1*	<0,0036	
27	Asen (As)[(b)]	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0075	
28	Cadimi (Cd)[(b)]	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0039	
29	Đồng (Cu)[(b)]	mg/L	*2*	*2*	<0,0072	
30	Thủy ngân (Hg)[(b)]	mg/L	*0,005*	*0,01*	<0,0051	
31	Niken (Ni)[(b)]	mg/L	*0,2*	*0,5*	<0,003	
32	Chì (Pb)[(b)]	mg/L	*0,1*	*0,5*	<0,0075	
33	Kẽm (Zn)[(b)]	mg/L	*3*	*3*	<0,0066	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi khách hàng;

- ***QCTĐHN 02:2014/BTNMT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;*
- [(a)]: Chỉ tiêu được công nhận theo *Vilas 766;*
- [(b)]: Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- [(*)]*: Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất vimcerts 195;*
- Số phiếu phát hành: 03 phiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHÒNG QT&PT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Th.S Lê Minh Hải	Th.S Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. 2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	**Mã hóa phiếu**
	IESH.2024.11.25/2285

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMSCERTS 099
Trụ sở chính: N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, P Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50, ngách 165/23, tổ 18, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com Http://moitruongsuckhoeiesh.com

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu được gửi đến phòng thí nghiệm)

Mã hóa mẫu: N2024.11/2863

Khách hàng : **Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội**
Địa chỉ : **44 Yên Phụ - Ba Đình- Hà Nội**
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 01
Thời gian gửi mẫu : 12/11/2024
Thời gian phân tích : 12/11 đến 25/11/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Vân Đồn	
1	Nhiệt độ	°C	***40***	***40***	26,2	SMEWW 2550B:2017
2	pH(a)	-	***6-9***	***5,5-9***	6,95	TCVN 6492:2011
3	Độ màu(ab)	Pt/Co	***50***	***150***	<5	TCVN 6185:2015
4	TSS(ab)	mg/L	***50***	***100***	23	TCVN 6625:2000
5	COD(ab)	mg/L	***75***	***150***	6,5	SMEWW 5220C:2017
6	BOD_5 (20^0C) (b)	mg/L	***30***	***50***	3,3	TCVN 6001-1:2008
7	Clorua (Cl^-)(ab)	mg/L	***500***	***1000***	18,3	TCVN 6194:1996
8	Florua (F^-)(b)	mg/L	***5***	***10***	0,18	SMEWW 4500-F^- .B&D:2017
9	Amoni (NH_4^+_N)(ab)	mg/L	***5***	***10***	<0,03	TCVN 6179-1:1996
10	Tổng N(b)	mg/L	***20***	***40***	2,0	TCVN 6638:2000
11	Tổng P(ab)	mg/L	***4***	***6***	0,04	TCVN 6202:2008
12	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	***0,2***	***0,5***	<0,12	SMEWW 4500-S^{2-} B&C&D:2017
13	Tổng xianua (CN^-)(ab)	mg/L	***0,07***	***0,1***	<0,006	SMEWW 4500-CN^- .C&E:2017
14	Cr^{6+}(ab)	mg/L	***0,05***	***0,1***	<0,03	SMEWW 3500-Cr.B:2017
15	Cr^{3+}(b)	mg/L	***0,2***	***1***	<0,006	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Clo dư(b)	mg/L	***1***	***2***	<0,09	SMEWW 4500-Cl^- G:2017
17	Tổng phenol(b)	mg/L	***0,1***	***0,5***	<0,015	TCVN 6216:1996

VILAS 766

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu
IESH.2024.11.25/2286

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Vân Đồn	
18	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,000018	US EPA Method 3510C + EPA 3620C + EPA 8270D
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ (b)	mg/L	*0,3*	*1,0*	<0,000096	
20	Tổng PCB(b)	mg/L	*0,003*	*0,01*	<0,000018	
21	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	*5*	*10*	0,5	SMEWW 5520B&F:2017
22	Hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	*0,1*	*0,1*	<0,007	TCVN 8879:2011
23	Hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/L	*1,0*	*1,0*	<0,06	
24	Tổng coliform(b)	MPN/ 100mL	*3000*	*5000*	330	SMEWW 9221B:2017
25	Sắt (Fe)(ab)	mg/L	*1*	*5*	0,042	EPA Method 200.7
26	Mangan (Mn)(b)	mg/L	*0,5*	*1*	<0,0036	
27	Asen (As)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0075	
28	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0039	
29	Đồng (Cu)(b)	mg/L	*2*	*2*	<0,0072	
30	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	*0,005*	*0,01*	<0,0051	
31	Niken (Ni)(b)	mg/L	*0,2*	*0,5*	<0,003	
32	Chì (Pb)(b)	mg/L	*0,1*	*0,5*	<0,0075	
33	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	*3*	*3*	<0,0066	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi khách hàng;

- ***QCTĐHN 02:2014/BTNMT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;*
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vilas 766;*
- (b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- (*): *Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất vimcerts 195;*
- Số phiếu phát hành: 03 phiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHÒNG QT&PT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Th.S Lê Minh Hải	Th.S Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. 2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	**Mã hóa phiếu**
	IESH.2024.11.25/2286

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VILAS 766 & VIMSCERTS 099
Trụ sở chính: N8B18 Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, P Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Trụ sở làm việc: Số 50, ngách 165/23, tổ 18, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
ĐT: 037.2606.608 Email: vienmoitruongsuckhoe@gmail.com Http://moitruongsuckhoeiesh.com

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Phiếu kết quả chỉ có giá trị với mẫu được gửi đến phòng thí nghiệm)

Mã hóa mẫu: N2024.11/2864

Khách hàng : **Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội**
Địa chỉ : **44 Yên Phụ - Ba Đình- Hà Nội**
Loại mẫu : Nước thải
Số lượng mẫu : 01
Thời gian gửi mẫu : 12/11/2024
Thời gian phân tích : 12/11 đến 25/11/2024

VILAS 766

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Quỳnh Mai	
1	Nhiệt độ	°C	***40***	***40***	26,3	SMEWW 2550B:2017
2	pH(a)	-	***6-9***	***5,5-9***	7,05	TCVN 6492:2011
3	Độ màu(ab)	Pt/Co	***50***	***150***	5	TCVN 6185:2015
4	TSS(ab)	mg/L	***50***	***100***	17	TCVN 6625:2000
5	COD(ab)	mg/L	***75***	***150***	9,8	SMEWW 5220C:2017
6	BOD_5 (20^0C) (b)	mg/L	***30***	***50***	5,1	TCVN 6001-1:2008
7	Clorua (Cl^-)(ab)	mg/L	***500***	***1000***	15,1	TCVN 6194:1996
8	Florua (F^-)(b)	mg/L	***5***	***10***	0,31	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
9	Amoni (NH_4^+_N)(ab)	mg/L	***5***	***10***	<0,03	TCVN 6179-1:1996
10	Tổng N(b)	mg/L	***20***	***40***	<2	TCVN 6638:2000
11	Tổng P(ab)	mg/L	***4***	***6***	<0,03	TCVN 6202:2008
12	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	***0,2***	***0,5***	<0,12	SMEWW 4500-S^{2-} B&C&D:2017
13	Tổng xianua (CN^-)(ab)	mg/L	***0,07***	***0,1***	<0,006	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017
14	Cr^{6+}(ab)	mg/L	***0,05***	***0,1***	<0,03	SMEWW 3500-Cr.B:2017
15	Cr^{3+}(b)	mg/L	***0,2***	***1***	<0,006	SMEWW 3500-Cr.B:2017
16	Clo dư(b)	mg/L	***1***	***2***	<0,09	SMEWW 4500-Cl^- G:2017
17	Tổng phenol(b)	mg/L	***0,1***	***0,5***	<0,015	TCVN 6216:1996

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng.
2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.

Mã hóa phiếu
IESH.2024.11.25/2287

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCTĐHN 02:2014/BTNMT		Kết quả	Phương pháp
			A	B	Nước xả thải nhà máy Quỳnh Mai	
18	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,000018	US EPA Method 3510C + EPA 3620C + EPA 8270D
19	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ (b)	mg/L	*0,3*	*1,0*	<0,000096	
20	Tổng PCB(b)	mg/L	*0,003*	*0,01*	<0,000018	
21	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	*5*	*10*	0,5	SMEWW 5520B&F:2017
22	Hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	*0,1*	*0,1*	<0,007	TCVN 8879:2011
23	Hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/L	*1,0*	*1,0*	<0,06	
24	Tổng coliform(b)	MPN/ 100mL	*3000*	*5000*	350	SMEWW 9221B:2017
25	Sắt (Fe)(ab)	mg/L	*1*	*5*	0,032	EPA Method 200.7
26	Mangan (Mn)(b)	mg/L	*0,5*	*1*	<0,0036	
27	Asen (As)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0075	
28	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	*0,05*	*0,1*	<0,0039	
29	Đồng (Cu)(b)	mg/L	*2*	*2*	<0,0072	
30	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	*0,005*	*0,01*	<0,0051	
31	Niken (Ni)(b)	mg/L	*0,2*	*0,5*	<0,003	
32	Chì (Pb)(b)	mg/L	*0,1*	*0,5*	<0,0075	
33	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	*3*	*3*	<0,0066	

Ghi chú: Tên mẫu và loại mẫu được quy định bởi khách hàng;

- ***QCTĐHN 02:2014/BTNMT:*** *Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội;*
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vilas 766;*
- (b): Chỉ tiêu được công nhận theo *Vimcerts 099*;
- *(*): Chỉ tiêu được phân tích bởi Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất vimcerts 195;*
- Số phiếu phát hành: 03 phiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHÒNG QT&PT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Th.S Lê Minh Hải	Th.S Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

1. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Cộng đồng. 2. Thời gian lưu mẫu tối đã 15 ngày kể từ ngày trả kết quả. Viện không tiếp nhận khiếu lại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.	**Mã hóa phiếu**
	IESH.2024.11.25/2287